

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 181/2007/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế cho vay lại từ nguồn vốn vay, viện trợ nước ngoài của Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 134/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cho vay lại từ nguồn vốn vay, viện trợ nước ngoài của Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

Về cho vay lại từ nguồn vốn vay, viện trợ nước ngoài của Chính phủ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 181/2007/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2007
của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này điều chỉnh các quan hệ phát sinh khi Chính phủ cho các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và chính quyền địa phương vay lại từ nguồn vốn vay, viện trợ nước ngoài của Chính phủ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này các từ ngữ được sử dụng có cùng nghĩa như đã được giải thích tại Nghị định số 134/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài. Các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Cho vay lại" là việc Bộ Tài chính thay mặt Chính phủ:
 - a) Trực tiếp hoặc ủy quyền cho Cơ quan cho vay lại thực hiện cho vay lại các doanh nghiệp toàn bộ hoặc một phần vốn nước ngoài từ nguồn vay, viện trợ nước ngoài của Chính phủ để đầu tư cho các dự án đầu tư có khả năng thu hồi vốn, hoặc;
 - b) Cho tổ chức tín dụng trong nước vay lại để cho vay tiếp theo một chương trình tín dụng hoặc hợp phần tín dụng trong một dự án sử dụng vốn vay nước ngoài, hoặc;
 - c) Cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vay lại theo quy định của pháp luật hoặc theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
2. "Hiệp định vay hoặc viện trợ nước ngoài" là các Điều ước quốc tế do Chính phủ hoặc Nhà nước Việt Nam ký hoặc do Cơ quan được ủy quyền của Nhà nước hoặc Chính phủ Việt Nam ký với Bên nước ngoài nhằm cung cấp vốn cho Việt Nam để thực hiện chương trình, dự án.
3. "Nhà tài trợ hoặc Người cho vay" là Bên nước ngoài cung cấp tài chính cho chương trình, dự án.
4. "Hợp đồng Ủy quyền cho vay lại" là Hợp đồng ký giữa Bộ Tài chính với Cơ quan cho vay lại.
5. "Tỷ giá hạch toán" là tỷ giá do Bộ Tài chính quy định dùng để hạch toán kế toán và báo cáo thu chi ngoại tệ thuộc phạm vi ngân sách nhà nước.
6. "Phí cho vay lại" là khoản phí do Chính phủ thông qua Cơ quan cho vay lại thu của người vay lại trong trường hợp cho vay lại đối với nguồn vốn vay thương mại nước ngoài của Chính phủ. Phí cho vay lại được xác định và áp dụng tương tự mức phí

bảo lãnh của Chính phủ nêu trong Quy chế cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ đối với các khoản vay nước ngoài được ban hành theo Quyết định số 272/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

7. “Phí dịch vụ cho vay lại” là khoản phí do Bộ Tài chính trả cho Cơ quan cho vay lại trong trường hợp Bộ Tài chính ủy quyền cho Cơ quan cho vay lại thực hiện quản lý, thu hồi khoản cho vay lại và không chịu rủi ro tín dụng.

Điều 3. Điều kiện được vay lại

1. Điều kiện đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế:

a) Có các chương trình, dự án sử dụng vốn vay, viện trợ nước ngoài đảm bảo các tiêu thức sau:

- Phù hợp với quy hoạch đầu tư phát triển của Nhà nước;
- Hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- Được Chính phủ cho phép sử dụng vốn vay, viện trợ và được nhà tài trợ chấp thuận (trường hợp Hiệp định vay nước ngoài quy định phải có sự chấp thuận của Nhà tài trợ);
- Đảm bảo được khả năng trả nợ theo phương án tài chính được thẩm định theo quy định.

b) Có tình hình tài chính lành mạnh, không có lỗi trong 3 năm liền kề gần nhất, không có nợ quá hạn với các tổ chức tín dụng và không có nợ quá hạn đối với các khoản vay lại nguồn vốn vay nợ, viện trợ nước ngoài của Chính phủ (nếu là tổ chức, doanh nghiệp đang hoạt động) tại thời điểm vay lại, không có các khoản nợ tồn đọng, quá hạn với ngân sách nhà nước. Đối với trường hợp các doanh nghiệp chưa đủ 3 năm hoạt động thì phải có cam kết của chủ sở hữu hoặc của công ty mẹ.

c) Thực hiện đảm bảo tiền vay cho các khoản vay lại theo yêu cầu của Cơ quan cho vay lại trừ trường hợp được miễn đảm bảo tiền vay theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

2. Điều kiện đối với các tổ chức tín dụng:

a) Được Chính phủ cho phép sử dụng vốn vay, viện trợ và được nhà tài trợ chấp thuận (trường hợp Hiệp định vay nước ngoài quy định phải có sự chấp thuận của

nhà tài trợ);

b) Đảm bảo được khả năng trả nợ theo phương án tài chính được thẩm định.

3. Điều kiện đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Được pháp luật hoặc Thủ tướng Chính phủ cho phép vay lại từ nguồn vốn vay, viện trợ nước ngoài của Chính phủ;

b) Vốn vay được dùng cho đầu tư phát triển thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương;

c) Ngân sách địa phương đảm bảo trả được nợ.

Chương II

ĐIỀU KIỆN CHO VAY LẠI

Mục 1

CÁC ĐIỀU KIỆN CHUNG ÁP DỤNG CHO MỌI TRƯỜNG HỢP CHO VAY LẠI

Điều 4. Đồng tiền cho vay lại

1. Đối với nguồn vốn ODA của Chính phủ: người vay lại có thể lựa chọn đồng tiền vay lại là nội tệ (đồng Việt Nam) hoặc bằng ngoại tệ gốc vay của nước ngoài tùy theo khả năng trả nợ. Tỷ giá quy đổi từ ngoại tệ sang đồng Việt Nam là tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định.

2. Đối với vốn vay thương mại nước ngoài của Chính phủ: người vay lại phải nhận nợ bằng ngoại tệ gốc do Chính phủ vay nước ngoài, trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Trường hợp cho vay lại đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: đồng tiền cho vay lại là đồng ngoại tệ gốc do Chính phủ vay nước ngoài.

Điều 5. Đồng tiền thu hồi nợ

1. Đối với vốn ODA: về nguyên tắc người vay lại nhận vay lại theo loại tiền nào thì trả nợ bằng loại tiền đó. Trường hợp người vay lại yêu cầu hoàn trả cho Chính phủ bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi khác với đồng tiền nhận vay lại, Cơ quan cho vay lại áp dụng tỷ giá hối đoái do Bộ Tài chính quy định hoặc tỷ giá do Cơ quan cho vay lại thoả thuận với người vay lại ghi trong Thoả thuận vay lại để thu nợ.

2. Đối với vốn vay thương mại: đồng tiền trả nợ là đồng ngoại tệ vay gốc. Trường hợp trả bằng Đồng Việt Nam, Cơ quan cho vay lại áp dụng tỷ giá bán ra của Ngân hàng phục vụ hoặc của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam trong trường hợp không có Ngân hàng phục vụ để thu nợ.

Điều 6. Trị giá cho vay lại

1. Trị giá cho vay lại ghi trong Thoả thuận cho vay lại được xác định trên cơ sở trị giá Hiệp định vay, viện trợ nước ngoài ký với nhà tài trợ hoặc Người cho vay cho mỗi chương trình, dự án. Trong trường hợp Hiệp định vay, viện trợ nước ngoài ký cho nhiều dự án nhưng không quy định mức phân bổ cho từng chương trình, dự án thì trị giá cho vay lại được xác định căn cứ vào quyết định phân bổ vốn vay, viện trợ của Chính phủ.

2. Trị giá nhận nợ thực tế là trị giá được lũy kế theo từng lần rút vốn.

Điều 7. Thời điểm nhận nợ

1. Đối với các khoản rút vốn thực hiện theo các hình thức thư tín dụng (L/C), thanh toán trực tiếp, hoàn trả:

Thời điểm Người vay lại nhận nợ với Cơ quan cho vay lại là thời điểm giải ngân theo thông báo của nhà tài trợ.

2. Đối với các khoản rút vốn thực hiện theo hình thức tài khoản đặc biệt hoặc tài khoản tạm ứng:

Trường hợp có nhiều dự án, chương trình thuộc cùng Hiệp định vay, viện trợ và cùng sử dụng một tài khoản đặc biệt hoặc tài khoản tạm ứng, thời điểm Người vay lại nhận nợ với Cơ quan cho vay lại là thời điểm rút vốn từ tài khoản này.

Trường hợp Hiệp định vay, viện trợ chỉ cho một dự án và sử dụng một tài khoản đặc biệt hoặc tài khoản tạm ứng, thời điểm người vay lại nhận nợ với Cơ quan cho vay lại là thời điểm nhà tài trợ hoặc Người cho vay chuyển vốn vào tài khoản này.

3. Căn cứ vào thông báo giải ngân của nhà tài trợ hoặc người cho vay hoặc chứng từ thanh toán từ tài khoản đặc biệt hoặc tài khoản tạm ứng, Bộ Tài chính sẽ lập thông báo hoặc ghi thu, ghi chi cho Cơ quan cho vay lại trị giá giải ngân theo ngày giải ngân, cho từng dự án hoặc chương trình và theo Hiệp định vay, viện trợ.